TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 8 - 2024
"*V/v Ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trần Văn Sơn**

- Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Vũ Thị Bích Hậu –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà **Hoàng Thị Thùy Trang –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 2 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Tuyết H**, sinh năm 1987; Trú tại: xx đường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trương Thanh T,** sinh năm 1981; Trú tại: Tổ xx phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2023 quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Phạm Thị Tuyết H trình bày:* Bà và ông Trương Thanh T kết hôn với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường T, quận S đến năm 2019 thì dọn về chung sống tại tổ xx, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung.

Từ năm 2021 cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, bà đưa con về thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế chung sống cùng với mẹ ruột. Còn ông T vẫn sống tại tổ xx (cũ), yy (mới), phường H và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau.

Sau khi khởi kiện, bà có chụp hình thông báo về việc thụ lý vụ án gửi cho ông T nhưng ông T bỏ mặc, không quan tâm và đã bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay, hiện bà không xác định được ông T đã đi đâu, làm gì. Bà có nhắn tin đề nghị ông T đến Tòa án để giải quyết ly hôn thì ông T không đồng ý. Hiện vợ chồng không ai còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Chí N, sinh ngày 16/7/2021. Ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp nuôi con. Tại đơn khởi kiện bà đề nghị ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trương Thanh T đồng thời đã tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng về chung sống với nhau song ông T không tham gia và cũng không có ý kiến phản hồi về vụ án.

* Biên bản xác minh ngày 10/4/2024 tại tổ dân phố số xx (cũ), yy (mới), phường H, quận N thể hiện: Vợ chồng bà Phạm Thị Tuyết H và ông Trương Thanh T có đăng ký tạm trú tại địa phương nhưng hiện nay đã bán nhà, đi đâu làm gì địa phương không rõ, về mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các bước thủ tục tố tụng. Bị đơn Trương Thanh T đã được thông báo về vụ án, tống đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Tuyết H và ông Trương Thanh T đã đến mức trầm trọng, sau khi được thông báo về vụ án, ông T không liên hệ với Tòa án để phản hồi hay trình bày mong muốn được đoàn tụ gia đình mà bỏ mặc, tự ý đi khỏi địa phương không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết H, cho bà được ly hôn với ông Trương Thanh T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Trương Chí N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung bà H trình bày không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông tin cư trú của bị đơn Trương Thanh T là tại tổ xx (cũ), yy (mới), phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi về vụ án, không tham gia các phiên họp, hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết H và ông Trương Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo bà H xác định nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Trương Thanh T. Ông T đã được biết về vụ án nhưng cố tình đi khỏi địa phương, bỏ mặc và không thực hiện việc phản hồi về vụ án. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích để hòa giải, động viên vợ chồng về tiếp tục chung sống, nuôi dạy con cái nhưng ông T đều không đến Tòa án điều này thể hiện ông không còn thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phạm Thị Tuyết H và ông Trương Thanh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà được ly hôn với ông T như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Giữa bà H và ông T có 01 con chung là Trương Chí N, sinh ngày 16/7/2021, hiện con chung đang ở với mẹ, ông T bỏ đi khỏi địa phương và cũng không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Tuyết H, giao con chung Trương Chí N, sinh ngày 16/7/2021 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trương Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà H trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết H đối với ông Trương Thanh T về việc ly hôn và nuôi con chung.

* Xử:

1/ Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết H được ly hôn với ông Trương Thanh T.

2/ Về con chung: Giao con chung Trương Chí N, sinh ngày 16/7/2021 cho bà Phạm Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

5/ Về án phí: Bà Phạm Thị Tuyết H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001611 ngày 30/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng *(Bà H đã nộp đủ án phí)*.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Ngũ Hành Sơn;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THA DS quận NHS;*
- *UBND P. Tây Lộc;*
(Đk ngày 04/5/2018)
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc